

KIM THANH SẴN\*  
PHẠM QUANG TÙNG, PHẠM MINH PHƯƠNG\*\*

## NỀN TẢNG “VÔ VI” VÀ NHỮNG BIỂU HIỆN “VÔ VI” TRONG HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CỦA PHÁP MÔN CAO ĐÀI CHIẾU MINH TAM THANH VÔ VI

**Tóm tắt:** Ngày 14/03 năm Bính Dần (tức ngày 24/4/1926 dl), sau hơn hai tháng thống nhất các đàn cơ của đạo Cao Đài, Ngô Văn Chiêu từ tạ phẩm Giáo tông tách khỏi nhóm phò loan/phò cơ và thành lập đàn cơ riêng. Sự kiện trên đánh dấu đạo Cao Đài hình thành hai nhánh phát triển là nhánh vô vi và nhánh phổ độ. Pháp môn Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi được hình thành trên nền tảng tư tưởng “vô vi” với những biểu hiện riêng biệt so với các Hội thánh khác trong đạo Cao Đài ở các khía cạnh về thờ tự, cách thức tu tập và tổ chức cộng đồng. Trong bài viết này, từ cách tiếp cận Tôn giáo học kết hợp phương pháp phỏng vấn sâu, bài viết sẽ làm rõ hai nội dung: (1) Nền tảng “vô vi” trong đạo Cao Đài và (2) Những biểu hiện “vô vi” trong một số hoạt động tôn giáo của Pháp môn Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi.

**Từ khóa:** Đạo Cao Đài, Pháp môn Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, nền tảng “Vô Vi”, hoạt động tôn giáo

### Dẫn nhập

Cho đến nay, khi nghiên cứu về Pháp môn Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi (viết tắt là CMTTVV), các nghiên cứu đều nhấn mạnh sự khác biệt của Pháp môn này so với các Hội thánh khác dựa trên chủ trương hành đạo. Một trong những nền tảng quan trọng đưa đến sự khác biệt của Cao Đài CMTTVV xuất phát từ tư tưởng “vô vi”. Thuật ngữ

\*, \*\* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.  
Bài viết là một phần sản phẩm nghiên cứu của Đề tài cấp Bộ (2023-2024): **Đạo Cao Đài ở Việt Nam hiện nay** do TS. Nguyễn Thị Quế Hương làm chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Tôn giáo là cơ quan chủ trì.  
Ngày nhận bài: 11/7/2024; Ngày biên tập: 20/7/2024; Duyệt đăng: 25/8/2024.

“Vô vi” được nhắc tới nhiều trong giáo lý và nội quy của Cao Đài CMTTVV. Trong bài thi phân luận về chữ “hữu” và “vô” viết “Đạo cả vô vi chơn chánh lý/Tu tâm luyện tánh ở bề trong” [Cao Đài Đại Đạo phái Chiếu Minh, 2016: 55] đã thể hiện tinh thần tu luyện của phái Cao Đài này. Tuy vậy, luận giải về “vô vi” từ các phương diện từ nguyên, nguồn gốc, quá trình tiếp thu tư tưởng “vô vi” của Ngô Văn Chiêu<sup>1</sup> đến việc hình thành cách thức tu luyện của Cao Đài CMTTVV, đến nay, trong các tư liệu nghiên cứu về Cao Đài CMTTVV vẫn còn manh mún và chưa thật đầy đủ. Cuốn *Đại thừa chơn giáo* là kinh điển căn bản của Cao Đài CMTTVV, đã có những phân luận về từ “vô” và diễn tiến của nền tảng “vô vi” trong tư tưởng, cách thức tu luyện và quy định đạo của Cao Đài CMTTVV. Tuy vậy, nền tảng “vô vi” được thể hiện trong cuốn kinh hoàn toàn mang tinh thần của một nền tôn giáo đã có, nguồn gốc và diễn tiến hình thành tư tưởng này trong đạo ít được đề cập. Đồng Tân trong cuốn *Tìm hiểu đạo Cao Đài* khi được hỏi về phần nào của đạo Lão mà đạo Cao Đài thừa nhận, ông cho rằng đó là thuyết “thanh tịnh vô vi” [Đồng Tân, 1974: 17], thuyết này được Ngô Văn Chiêu lãnh hội thông qua cơ bút. Ở các phần trả lời khác Đồng Tân có đề cập tới cách thức tu luyện của Cao Đài CMTTVV, cũng như sử dụng “vô vi” như một thuật ngữ để phân biệt với nhánh “phổ độ”. Tuy ta biết được nguồn gốc của nền tảng “vô vi” từ đạo Lão, nhưng cụ thể “vô vi” là gì?, quá trình tiếp nhận tư tưởng “vô vi” của Ngô Văn Chiêu ra sao thì không được đề cập đầy đủ. Trong cuốn *Cao Đài từ điển*, Nguyễn Văn Hồng (Đức Nguyên) đã có những lý giải đầy đủ hơn về khái niệm “vô vi” cũng như tư tưởng “vô vi” trong đạo Cao Đài. Theo Nguyễn Văn Hồng “vô vi” là một khái niệm cổ của Trung Hoa, có ý nghĩa sâu sắc, xuất phát cả trong Nho giáo và Lão giáo, tuy nhiên “vô vi” trong Lão giáo có phần sâu sắc hơn [Đức Nguyên, 2003: 176-178]. Dù có những lý giải tương đối đầy đủ, nhưng cuốn sách của Nguyễn Văn Hồng là một cuốn từ điển sắp xếp theo vần, nên sự kết nối các mạch nội dung là hạn chế. Ngoài các nghiên cứu kể trên, còn các nghiên cứu khác như: *Lịch sử Cao Đài đại đạo Tam kỳ Phổ độ* của Đồng Tân (3 tập), tập sách *Lịch sử đạo Cao Đài* do Cơ quan Phổ thông giáo lý Đại Đạo biên soạn, *Lịch sử quan phủ Ngô Văn Chiêu* (1878-1932) hay gần đây là nghiên cứu của Nguyễn Thị Ánh Nga với “*Cao Đài Đại Đạo Chiếu Minh Tam*

*Thanh Vô Vi - Quá trình hình thành, phát triển và nếp sống đạo*” cũng đều chưa đề cập đầy đủ về nền tảng “vô vi” của Cao Đài CMTTVV.

Chưa kể, xuất phát từ nền tảng “vô vi”, trong cách sử dụng thuật ngữ dùng để phân biệt nhánh “vô vi” và nhánh “phổ độ” ở các tài liệu về đạo Cao Đài hiện nay, xuất hiện nhiều cặp thuật ngữ liên quan, dẫn đến lúng túng trong cách gọi và cách sử dụng. Trong bài viết này, từ cách tiếp cận Tôn giáo học và Sử học tôn giáo nhóm tác giả giải quyết hai nội dung chính: (1) Nền tảng “vô vi” về mặt từ nguyên, nguồn gốc và quá trình tiếp thu tư tưởng này của Ngô Văn Chiêu; từ đó trong phần (2) làm rõ biểu hiện của “vô vi” trong một số hoạt động tôn giáo như cách thờ tự, cách thức tu tập, tang chế và tổ chức cộng đồng của Pháp môn Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi.

## **1. Nền tảng “vô vi” trong đạo Cao Đài**

### **1.1. Khái lược về thuật ngữ “vô vi”**

Vô vi (無爲) về mặt từ nguyên được ghép bởi hai từ “vô” mang nghĩa là không và “vi” mang nghĩa là làm, vô vi có nghĩa là không làm, không can thiệp. *Hán Việt từ điển* của Đào Duy Anh giải nghĩa vô vi là không được trái với đạo lý, trái nghĩa là hữu vi [Đào Duy Anh, 2005: 920]. *Đại từ điển tiếng Việt* định nghĩa vô vi là để mặc theo tự nhiên [Nguyễn Như Ý, 1998: 1828]. *Từ điển thuật ngữ Đạo giáo* định nghĩa vô vi là thiên tính, Cốc Thần Tử nói “Đạo lấy chí thân làm gốc, lấy chí tinh làm dục, lấy xung hoà làm dụng, lấy vô vi làm trị” [Tấn Tài - Phước Đức, 2006: 365]. Vô vi là phạm trù nổi bật của Đạo gia được ghi chép trong *Đạo đức kinh*, với người khởi xướng là Lão Tử. Tư tưởng xuyên suốt trong *Đạo đức kinh* được gói gọn trong câu “Đạo thường vô vi nhi vô bất vi” (Đạo thường không làm mà không gì không làm), Nguyễn Tôn Nhan nhận xét đây là “tư tưởng cốt lõi, là mục đích của học thuyết Lão Tử” [Lão Tử, Nguyễn Tôn Nhan dịch, 1999: 46]. “Vô vi nhi vô bất vi” là tư tưởng trừu tượng, mang hàm nghĩa vô cùng sâu sắc. Sự ra đời của tư tưởng này tưởng chừng như đối lại tư tưởng “hữu vi” của Nho gia cùng thời, nhưng thực tế, Lão Tử không phủ nhận “hữu vi” mà sự ra đời của tư tưởng “vô vi” lấp đầy giáo thuyết về đạo trị nước và đạo làm người bấy giờ tại Trung Hoa. Lão Tử viết “Vô vi nhi vô bất vi/Thủ thiên hạ thường dĩ vô sự/Cập kì hữu sự bất túc dĩ thủ thiên hạ” ý

nói “hữu vi là điều kiện cần, cho nên phải có “vô vi” nữa mới là điều kiện đủ cho việc giữ thiên hạ” [Nguyễn Thị Hồng, 2005]. Nguyễn Duy Hình trong *Người Việt Nam với Đạo giáo* phân tích tư tưởng “vô vi nhi vô bất vi” trong Đạo gia là tiền đề dẫn đến Đạo giáo thời kỳ đầu; thời Tần - Tây Hán, tư tưởng này được vận dụng vào đường lối trị quốc [Nguyễn Duy Hình, 2003: 108].

Còn “Vô vi nhi vô bất vi” trong *Cao Đài từ điển* được giải nghĩa tương đối tương tận là “Không làm mà không gì không làm”; “không làm” vì theo qui luật tự nhiên, trơn tru không vướng mắc, “không gì không làm” vì mọi thứ đều tỏ sức sống cường kiện, như trăm hoa gặp khí dương của mùa xuân, tự nhiên đúng kỳ hoa nở [Đức Nguyên, 2003 (3): 176-178]. Như vậy, có thể hiểu “vô vi” mang nghĩa thuận theo tự nhiên, làm theo tự nhiên, vì chỉ có quy luật tự nhiên mới hiệu quả. Từ *Đạo đức kinh*, tư tưởng “vô vi” được áp dụng trong hai lĩnh vực cơ bản là tu thân và trị quốc. Tu thân theo tinh thần “vô vi” là trở về với nội tâm, thấu suốt mọi lẽ, giữ thái độ an nhàn tĩnh tại, rũ bỏ mọi hữu vi, sống cuộc đời vô vi thanh tịnh...<sup>2</sup>. Trị quốc theo tinh thần “vô vi” là làm cho dân thật thà, mọi thứ bình đẳng, nhưng hơn hết, người chủ quốc gia phải biết giữ đạo “Đạo thường không làm gì mà không gì không làm. Vua chúa nếu giữ được Đạo, muôn vật sẽ tự mình chuyển hoá. Không ham muốn để được yên lặng, thiên hạ sẽ tự yên” [Lão Tử, Nguyễn Tôn Nhan dịch, 1999: 130-132].

Như vậy, “vô vi” là tư tưởng xuất phát từ Lão Tử, về sau là một trong những nền tảng của Đạo giáo. Đạo giáo du nhập vào nước ta từ sớm, khoảng thế kỷ II-III SCN, trải qua các thời kỳ phát triển khác nhau, Đạo giáo để lại nhiều dấu ấn trong văn hoá Việt Nam, tiêu biểu là hoà mình với Phật giáo và Nho giáo tạo nên tư tưởng tam giáo đồng nguyên trong lịch sử phong kiến nước ta. Tuy vậy, tư tưởng “vô vi” của Đạo giáo mà Ngô Văn Chiêu (Ngô Minh Chiêu) học hỏi lại cần bắt đầu từ Ngũ chi Minh đạo<sup>3</sup> cùng phong trào *câu cơ thỉnh Tiên* tại Nam Bộ.

### **1.2. Nền tảng “vô vi” trong đạo Cao Đài**

Tư tưởng “vô vi” của Đạo giáo được Ngô Văn Chiêu làm quen ngay từ lúc ông còn nhỏ, khi ông sống với gia đình người cô tại Mỹ Tho<sup>4</sup>. Ngô Văn Chiêu bắt chước chú<sup>5</sup> mà lập ban nhỏ thờ Quan Thánh Đế

Quân, vào mỗi buổi tối trước khi đi ngủ có đọc kinh và cúng lạy. Theo *Cuộc đời đạo đức của ngài Ngô Văn Chiêu*, chú của Ngô Văn Chiêu là một Hoa kiều buôn thuốc Bắc và ở trong phố người Hoa [Thánh đức Tổ đình - Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2021: 24-25]; có lẽ, chú của Ngô Văn Chiêu là tín đồ và sùng theo phương thức cầu cơ của một chi đạo trong Ngũ chi Minh đạo, mà từ đó, đã tạo điều kiện cho Ngô Văn Chiêu sớm tiếp xúc với nhóm người Hoa kiều thực hành cầu cơ?.

Năm 1902, để cầu thọ cho mẫu thân, Ngô Văn Chiêu hầu đàn Minh Thiện tại Thủ Dầu Một<sup>6</sup>, kể đó, năm 1917 đến cầu thuốc tại đàn Hiệp Minh (Cần Thơ), sau đó có quay lại hai đàn trên một số lần. Khi làm việc tại Tân An khoảng cuối năm 1919, với niềm tin sẵn có, Ngô Văn Chiêu cùng một số đồng hữu tập chấp bút cầu Tiên và trong quá trình này, họ lãnh nhận những điển lành mà chữa trị giúp nhiều người hết bệnh. Về sau, để chính đốn nghi thức cầu Tiên, nhóm của ngài Chiêu khi đó đã về đàn Minh Thiện (Thủ Dầu Một) thỉnh Ngọc cơ và học thêm nghi thức. Ngoài cầu Tiên, Ngô Văn Chiêu khi ấy còn thường tụng kinh Minh Thánh (hay Vạn Pháp Quy Tông), thờ Phật Quan Âm, Đức Quan Thánh và Văn Xương Đế Quân tại gia. Bước chuyển lớn nhất có lẽ từ năm 1921, ngài Ngô Văn Chiêu được chọn làm đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài Tiên Ông khi ở Phú Quốc trong một lần cầu cơ. Lúc này, ông bỏ tụng kinh Minh Thánh, ăn chay trường và thọ học pháp môn Cao Đài. Nội dung pháp môn Cao Đài mà Ngô Văn Chiêu học được giữ kín, không truyền thụ và thậm chí khi gặp nhóm phò loan<sup>7</sup> trong những năm 1925-1926 ông cũng chỉ dạy cách thờ Thiên Nhân, tụng đọc một số bài kinh và nghi lễ còn tịnh luyện pháp ra sao thì không truyền ra ngoài. Dầu không nắm rõ được giáo lý tịnh luyện mà Ngô Văn Chiêu lãnh nhận, nhưng thông qua luận giải trong *Đại thừa chọn giáo về Đạo*, chúng ta có thể biết được tư tưởng “vô vi” là nền tảng quan trọng cho pháp tu của pháp môn Cao Đài CMTTVV từ buổi đầu. Trong thi phần Cao Đài xuất thế Đại đạo hưng truyền có đoạn “Tu Tiên giữ tánh không không/Toan phương tháo cồng, phá lòng nhảy ra/Sự đời đừng có đấm xa/Vô vi thanh tịnh hiệp hoà Thần Tiên” [Cao Đài Đại Đạo phái Chiêu Minh, 2016: 28] hay trường thi Đại đạo luận viết “Đạo Trời vô ảnh, vô hình/ Vô vi, vô xú, vô thịnh, vô trần” [Cao Đài Đại Đạo phái Chiêu Minh, 2016: 40].

Nhìn chung, quá trình tiếp thu tư tưởng “vô vi” của Ngô Văn Chiêu đã diễn ra ngay từ khi ông còn nhỏ, thông qua việc hầu tại các đàn thuộc nhóm Ngũ chi Minh đạo, sau đó trực tiếp cầu cơ thỉnh Tiên, kết hợp với việc thọ pháp từ Đức Cao Đài Tiên Ông (1920-1924) đã giúp Ngô Văn Chiêu biết, hiểu và thấm nhuần tinh thần “vô vi” của Đạo giáo.

Một vấn đề khác mà chúng tôi muốn đề cập tới trong phần nội dung này đó là các thuật ngữ liên quan tới “vô vi” được sử dụng trong đạo Cao Đài. Hiện nay, trong các nguồn tài liệu về đạo Cao Đài, khi phân định các nhánh phát triển, dựa trên những đặc trưng về thờ tự và thực hành, các tác giả thường sử dụng nhiều cặp thuật ngữ khác nhau, đôi khi là chưa thống nhất trong cách dùng. Các cặp thuật ngữ có thể liệt kê: Vô vi - Phổ độ, Nội giáo vô vi - Ngoại giáo công truyền, Nội giáo tâm truyền - Ngoại giáo công truyền, Cơ tuyền độ - Cơ phổ độ, Bí pháp - Thể pháp, Khoa bí truyền - Cơ phổ hoá... Về cơ bản, các cặp thuật ngữ trên được dùng nhằm để chỉ sự phát triển của hai nhánh Cao Đài với những khác biệt trong chủ trương hành đạo.

Có tính khái quát và bao hàm hơn cả là cặp thuật ngữ “vô vi - phổ độ”, cặp thuật ngữ này ban đầu sử dụng nhằm phân biệt hai nhánh phát triển của đạo Cao Đài sau khi Ngô Văn Chiêu tách khỏi nhóm phò loan, đồng thời cũng là cặp thuật ngữ thể hiện sự khác biệt trong chủ trương hành đạo của hai nhánh. Nhánh “vô vi” chủ trương tu luyện theo bí pháp, còn nhánh “phổ độ” chủ trương truyền bá đạo rộng khắp cho quần chúng. Đi kèm với “vô vi - phổ độ” thường có thêm từ cơ, phân, nhánh, chẳng hạn: Cơ vô vi - Cơ phổ độ. “Nội giáo vô vi - Ngoại giáo công truyền” hay “Nội giáo tâm truyền - Ngoại giáo công truyền” là những cặp thuật ngữ có nguồn gốc từ các bài thi trong *Đại thừa chơn giáo*, trong trường thiên giải sơ về nền tảng Cao Đài Đạo giáo có những câu như “Tâm truyền NỘI GIÁO VÔ VI/ Là cơ xuất thế hồi quy Động Đào/.../Luận qua NGOẠI GIÁO CÔNG TRUYỀN/Phổ thông chơn lý Đạo huyền độ nhơn/.../TÂM TRUYỀN thứ lớp công phu/CÔNG TRUYỀN trật tự chư nhu hoàn toàn” [Cao Đài Đại Đạo phái Chiếu Minh, 2016: 51-54]. *Cao Đài từ điển* giải thích “nội giáo vô vi” hay “nội giáo tâm truyền” là dạy ở bên trong những tâm pháp bí truyền để luyện đạo, còn “ngoại giáo công truyền” là dạy rộng ra cho quần chúng bên ngoài về đạo đức, độ người, các tín đồ nương theo mà tu thân, lập công quả [Đức Nguyên, 2003 (2): 58-60].

“Cơ tuyền độ - Cơ phổ độ” là cặp thuật ngữ dùng để chỉ nền tảng tuyền chọn tín đồ của hai nhánh. Nhánh “vô vi” chủ trương tuyền độ tín đồ phải đáp ứng những điều kiện khác nhau của Đạo, hơn hết phải là người được chọn dưới sự phê chuẩn của Đấng vô hình “*đạo Thầy là Thầy chọn những người đã từng tu và đã có nhiều kiếp tu, tất cả các đạo có thể về đây tu thế nên mới gọi là Cao Đài Đại Đạo, những người muốn giải thoát thì về đây thọ pháp Thầy dạy cho con đường tu*” (Pvs, Nữ, 71 tuổi, Tín đồ, Thánh Đức Tổ đình Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, Cần Thơ, 2023). Còn “phổ độ” có tính chất rộng hơn, ai có nhu cầu và mong muốn nhập đạo đều có thể trở thành tín đồ theo quy định riêng của nhánh này.

“Bí pháp - Thể pháp” là cặp thuật ngữ được dùng để nói tới phương thức luyện đạo. *Thể pháp* là cái hữu hình, cái quan sát được, bao gồm giáo lý, giáo luật, kinh kệ, thờ phượng... dùng dẫn dắt tín đồ theo con đường đạo đức. *Bí pháp* là những thứ bí mật, không biết, không truyền, mục đích sau cùng là hướng đến đắc đạo và giải thoát. Bí pháp là phương pháp chỉ truyền thừa giữa thầy và trò thông qua hình thức khẩu truyền. Phạm Công Tắc trong một lần thuyết giảng trong Hội thánh Cao Đài Tây Ninh cũng đã từng luận giải về “Bí pháp - Thể pháp”, ông cho rằng: thể pháp gói gọn trong bốn chữ “phụng sự vạn linh” (hay phụng sự chúng sinh) còn bí pháp nằm trong tay Đức Chí Tôn, khi hiệp nhất với Đức Chí Tôn thì khi đó hoàn toàn nắm được bí pháp mà đắc đạo, giải thoát [Đức Nguyên, 2003 (1): 262-268].

Ngoài các cặp thuật ngữ trên, trong Pháp môn Cao Đài CMTTVV còn sử dụng cặp thuật ngữ “Cao Đài Đại Đạo - Cao Đài Tôn giáo”; cặp thuật ngữ này được luận giải trong *Đại thừa chọn giáo* như sau: Cao Đài Đại Đạo thuộc về phần tiên thiên vô vi, tâm pháp bí truyền, chỉ cách tu tính luyện mạng/mệnh, gác vòng danh lợi, phế dẹp tình đời, không lưu luyến hồng trần, cầu bất sinh bất tử. Cao Đài Tôn giáo là tôn giáo để phổ thông đạo đức, độ người mới bước đầu tiên vào tầm chọn lý. Tôn giáo là cái cửa, còn Đạo là vô vi, muốn vào vô vi thì trước hết phải qua cái cửa [Cao Đài Đại Đạo phái Chiêu Minh, 2016: 169-170]. Theo quan điểm của Pháp môn Cao Đài CMTTVV với cách tu “vô vi” tự phân mình là nhóm Cao Đài Đại Đạo, còn các nhóm có chủ trương “phổ độ” là Cao Đài Tôn giáo.

Tóm lại, từ những luận giải trên có thể thấy như sau: (1) “Vô vi” là tư tưởng của Đạo gia, sau là nền tảng trong Đạo giáo, được Ngô Văn Chiêu tiếp nhận trong quá trình tiếp xúc với nhóm Ngũ chi Minh đạo và thọ pháp từ Đức Cao Đài Tiên Ông, (2) “Vô vi” là nền tảng quan trọng chi phối đến tư tưởng, phương thức thực hành đạo của Cao Đài CMTTVV, (3) Từ nền tảng “vô vi” nhiều khái niệm liên quan ra đời đối ngược với “phổ độ” tạo nên những cặp khái niệm dùng để chỉ phương hướng phát triển, mục đích tu tập và tính chất của hai nhánh đạo Cao Đài, (4) Cũng như Lão Tử, Ngô Văn Chiêu không phủ nhận “hữu hình” mà cho đó là một cặp đi với nhau nhưng sau cùng đều hướng tới sự giác ngộ, giải thoát là con đường “vô vi” “cái lý vô vi ấy cần phải nương với hữu hình (hồn hiệp xác), chẳng nên lấy cái có mà bỏ cái không, mà cũng chẳng nên gìn cái không mà quên cái có” [Cao Đài Đại Đạo phái Chiếu Minh, 2016: 55].

## **2. Biểu hiện “vô vi” trong một số hoạt động tôn giáo của Pháp môn Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi**

Từ nền tảng “vô vi”, Ngô Văn Chiêu thông qua cơ bút lãnh nhận từ Đức Cao Đài hình thành nên những giáo lý, giáo luật, phương thức tu tập và tổ chức cộng đồng của Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi. Trong phần này, nhóm tác giả lần lượt phân tích biểu hiện nền tảng “vô vi” trong một số hoạt động tôn giáo của Pháp môn Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi ở các khía cạnh về *cách thức thờ tự, cách thức tu tập, tang lễ và tổ chức cộng đồng*.

### **2.1. Về cách thức thờ tự**

Năm 1921, tại Phú Quốc, sau nhiều lần trăn trở và hai lần nhìn thấy hiện tượng Thiên Nhân<sup>8</sup>, Ngô Văn Chiêu được Đức Cao Đài Tiên Ông chỉ vẽ biểu tượng để thờ, đó chính là Thiên Nhân. Tại sao thờ Thiên Nhân, trong *Đại thừa chơn giáo* lý giải “Nhân thị chủ tâm, lưỡng quang chủ thể, quang thị thần, thần thị Thiên, Thiên giả ngã dã.” Nhân là trái tim của con người. Trái tim ấy là Tạo Hóa tức là Thần mà Thần là cái lý hư vô. Lý hư vô ấy là Trời” [Cao Đài Đại Đạo phái Chiếu Minh, 2016: 227-228]. Thánh tượng Thiên Nhân buổi đầu đơn giản với chỉ: Thiên Nhân và Thập tự gồm hai nét dọc và ngang. Thập tự được giải thích trong *Đại thừa chơn giáo*, nét dọc ( | ) trong Thập tự

thể hiện cho nhất dương chi khí, nét ngang ( – ) thể hiện nhất âm chi khí; âm - dương đụng chạm nhau tạo ra bốn cánh là chữ thập, “Thập ấy ở dưới có bốn cái bóng kêu là Tứ Âm. Tứ Âm với Tứ Dương mới kêu rằng Bát Quái. Bát Quái ấy tác thành thì biến hóa vô cùng vô tận, nên mới phân định ngũ hành cùng là càn khôn muôn vật” [Cao Đài Đại Đạo phái Chiếu Minh, 2016: 164].

Trong Thập tự, nét dọc trên buổi ban đầu chỉ có năm chữ “Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn” [Thánh đức Tổ đình - Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2021: 82]; nét dọc dưới có ghi “Cao Đài Thái Bạch Thổ Thần Tiên Ông”; nét ngang trong Thập tự ghi dòng chữ “Chon Thanh - Thượng Thanh - Ngọc Thanh” tức Tam Thanh chi vị, cũng là tượng trưng cho Tinh - Khí - Thần. Về sau, đặc biệt từ khi Ngô Văn Chiêu tách khỏi nhóm phò loan, cách thức thờ phượng của Cao Đài CMTTVV dần được hoàn thiện như ngày nay. Có thể chia Thiên bàn của Cao Đài CMTTVV thành ba cấp.

*Cấp một*, trên cùng vẫn là Thiên Nhân, Thiên Nhân vẽ trên bức tranh giống cảnh tượng mà Ngô Văn Chiêu nhìn thấy khi ở Phú Quốc, (một số Hội thánh khác Thiên Nhân vẽ trên quả càn khôn). Trong hình Thiên Nhân có thêm Nhật, Nguyệt, Tinh, tức ba vật báu của Trời, nhờ đó mà dưỡng dục muôn loài, sinh ra sáng, tối, chuyển hoá càn khôn. Biểu tượng Nhật, Nguyệt, Tinh có lẽ được thêm vào thánh tượng Thiên Nhân sau lần nhìn thấy cảnh Bồng Lai và Thiên Nhân của Ngô Văn Chiêu vào năm 1924 [Đỗ Vạn Lý, 1989: 54]. Tiếp đến là Thập tự, thay vì nét ngang trên chỉ có năm chữ như buổi đầu, thì đến nay có mười chữ “Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn” với ý là Đấng cao thượng vô hình. Các chữ còn lại trong Thập tự giống buổi ban đầu. Hai bên Thập tự có đôi câu đối, bên phải “Pháp Luân Thường Chuyển”, bên trái “Phật Nhật Tăng Huy”. Dưới Thập tự là di ảnh của Ngô Minh Chiêu, được thêm vào sau khi ông liểu đạo.

*Cấp hai*, dưới di ảnh Ngô Minh Chiêu được coi là phần tiên thiên gồm ba hàng, từ trái sang phải (nhìn từ ngoài vào trong), từ trong ra ngoài gồm: (1) Đĩa trái cây - Đèn Thái Cực - Bình hoa; (2) Đèn - Lư hương (đốt hương vòng) - Đèn; (3) Trà - Ba ly rượu - Nước. Theo *Đại*

*thừa chơn giáo* giải thích: Đền Thái Cực đặt ở giữa tức tâm đấng “không lay động, xao xuyên, chiếu soi khắp cả càn khôn”. Hai chén nước (nước và trà) tượng trưng âm dương (động và tĩnh), cùng được ví như thần khí của con người. Hai cây đèn (lưỡng nghi) tức nhật - nguyệt (âm - dương). Lư hương là tiên thiên lập đỉnh, tượng trưng cho ngũ hành, ngũ khí. Hoa quả, trà tượng trưng cho tam bửu.

*Cáp ba*, còn được gọi là bàn cơ hay phần *hậu thiên* gồm: Đĩa trái cây - Bức hình ghi chữ “Ai giả mạo thì bị: Thập Địa Tiên” - Hình Phật (mang tính tượng trưng) - Lư hương (đốt hương trầm) - Bình hoa. Lư hương đốt trầm là hậu thiên an lư, hoá ngũ linh, ngũ đức, hay là đan điền còn lư trên là đầu.

Nhìn chung, cách thờ phượng của Cao Đài CMTTVV tương đối đơn giản so với các Hội thánh khác trong đạo Cao Đài, nhưng bên trong thể hiện những triết lý sâu sắc xuất phát từ tư tưởng tam giáo. Cách sắp xếp ban thờ tuân theo quan hệ Thiên - Địa - Nhân với dấu ấn của Kinh Dịch (triết lý về sự biến đổi vạn vật trong vũ trụ). Tinh thần “vô vi” được thể hiện qua nét ngang trong Thập tự “Chơn Thanh - Thượng Thanh - Ngọc Thanh”.

## 2.2. Về cách thức tu tập

Cách thức tu tập trong buổi ban sơ đã được Đức Cao Đài Tiên Ông chỉ dạy cho Ngài Ngô Văn Chiêu khi ở Phú Quốc (1921) là tam niên trường chay, tu luyện theo lời dạy của Tiên Ông mà lời dạy của Tiên Ông khi đó thế nào chưa được tiết lộ. Sau này, trong thời kỳ Đạo khai được luận rõ hơn là “Khoa Tâm truyền để dẫn dắt người hữu căn, muốn ly khai thế cuộc, tìm đường siêu xuất. Tín đồ phải trường trai, tuyệt dục, tứ thời thiền định, phải chịu bao nhiêu sự khảo đảo, thử thách, chẳng nài khổ hạnh. Nhứt trần bất nhiễm. Công phu, công quả, công trình phải đều đặn. Tóm tắt, tín đồ phải thấu triết lý huyền vi, diệu ẩn, phải chính tâm diệt dục, vong kỷ xả thân: kể như mình đã chết chưa chôn” [Thánh đức Tổ đình - Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2021: 129]. Cụ thể hơn vào từng khía cạnh tu tập như sau:

Đầu tiên là *nhập đạo*, để trở thành một tín đồ của Pháp môn Cao Đài CMTTVV, người muốn nhập đạo phải nhờ hai bạn đạo hướng dẫn và giới thiệu ở một đàn gần nhà. Sau khi xin hầu đàn, họ sẽ được Chủ đàn

trình bày về Quy điều nội lệ của đạo để tự xét bản thân. Tự xét ở đây là xem bản thân có còn vướng bận chuyện gia đình không, liệu có dứt dứt mà theo đạo được không?. Chẳng hạn, một người muốn nhập đạo nhưng vẫn đang trong mối quan hệ vợ chồng thì phải có sự đồng ý hoặc của vợ hoặc của chồng cho đi tu, vì “*nếu có gia đình mà bạn đời của mình không muốn tu cùng mình thì họ phải cam kết cho mình đi tu, còn nếu hai người muốn đi tu hết thì cái đó quá dễ, còn người kia phải chấp nhận cho mình đi thì mình mới tu được. Ngoài cái đó ra thì mình cũng phải xác định giữ các quy định đề ra*” (Pvs, Nữ, 71 tuổi, Tín đồ, Thánh Đức Tổ đình Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, Cần Thơ, 2023). Bên cạnh đó, họ cần đáp ứng đủ các tiêu chuẩn như tuổi đời từ 18 - 64, khoẻ mạnh, răng đủ, không bị cụt tay, chân, mù, thợ trường trai (chay) ít nhất 100 ngày. Sau đảm bảo đủ các điều kiện và quyết tâm theo đạo họ sẽ được cho làm nghi lễ đầu tiên để bắt đầu hành trình tu học đó là *xin keo* hầu Thầy hay lễ “đốt Hồng thệ”. *Hồng thệ* tức là lời thề của tín đồ khi nhập môn vào Đạo. Để làm lễ xin keo họ phải chờ đến ngày rằm, trăng sáng, trong lễ sẽ có thượng sớ, bài Hồng thệ đã học thuộc trước đó (bài này của nam và nữ khác nhau), được nhận những lời căn dặn từ Chủ đàn và hoá Hồng thệ. Khi vào đạo họ được phát lễ phục, kinh kệ và lập phòng đơn, hỗ trợ lập Thiên bàn tư gia. Trao đổi với về sự phân biệt giữa “nam và nữ”, “đàn ông hay đàn bà” trong tờ Hồng Thệ cho hai trường hợp: Trường hợp 1, người đàn ông và đàn bà vẫn còn trong mối quan hệ chồng hoặc vợ với người khác nhưng muốn đi tu thì cần có giấy cam kết cho phép của chồng hoặc vợ, nếu cả hai đi tu thì không cần; Trường hợp 2, do cách đặt tên ngày nay đa dạng, nữ ít sử dụng tên đệm “thị” nên để phân biệt tín đồ nam và nữ theo tên, Pháp môn CMTTVV sử dụng hai tờ Hồng Thệ khác nhau, một dành cho nam và một dành cho nữ, nó chỉ mang tính chất xác định giới tính tín đồ, còn lại nội dung trong tờ Hồng Thệ là giống nhau. (Pvs, Nữ, 57 tuổi, Thư ký, Thánh Đức Tổ đình Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, Cần Thơ, 2023).

Nhập đạo chỉ là bước khởi đầu của quá trình tu “vô vi”, để đạt đến trình độ “dùng vô vi mà chuyển hoá” như Ngô Minh Chiêu đề cập, các tín đồ Cao Đài CMTTVV phải qua hai cấp là nhất bộ và nhị bộ. Sau khi nhập đạo và tu luyện thêm 100 ngày họ sẽ xin keo lên nhất bộ, để xin keo họ cũng phải chờ đến ngày rằm, trăng sáng. Nhất bộ, theo cách gọi của

một vị tín đồ chúng tôi phỏng vấn gọi là “lưu thanh khứ trước”<sup>9</sup> được hiểu là phần tu luyện nhằm loại bỏ những “xu ứ” còn trong cơ thể, cũng là thời gian thử thách thêm lòng kiên trì của vị tín đồ “*lưu thanh khứ trước tức là trong thời gian trước thì ăn mặn, giờ ăn chay thì cái trước trong mình nó còn nhiều đó, con tu thì con phải khử đó nó ra, mỡ hôi phải ra, lúc ngồi tu pháp, mỡ hôi pháp của con phải thoát ra được đó gọi là lưu thanh khứ trước. Ra hết thì điễn Thầy cho mới cao được. Cơ thể mới tốt được, đại khái vậy*” (Pvs, Nữ, 57 tuổi, Thư ký, Thánh Đức Tổ đình Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, Cần Thơ, 2023). Sau khi tu nhất bộ được ba năm tám tháng trở lên, nếu vị tín đồ đó thấy đủ khả năng thì tiếp tục xin keo để tu lên cấp nhị bộ và để xin keo họ cũng phải chờ lúc rằm, trăng tròn nếu không phải chờ. Nhi bộ là pháp tu cao cấp mang tính bí truyền hướng đến mục đích cuối cùng là đắc quả Đạo, một số nội dung trong cấp nhị bộ “*là mình phải quán tưởng... thân thể của mình được tạo ra bởi Tinh, Khí, Thần, luyện làm sao để Tinh, Khí, Thần trong kim thân nhập lại làm một thì mình đắc, nhưng để đạt được điều đó thì phải vượt qua nhiều nghiệp chướng*” (Pvs, Nữ, 71 tuổi, Tín đồ, Thánh Đức Tổ đình Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, Cần Thơ, 2023).

Tiếp theo là *cúng tứ thời*, là nghi lễ hàng ngày diễn tiến theo chu kỳ thời gian của Cao Đài CMTTVV. Lễ cúng tứ thời là nghi lễ phổ biến trong toàn đạo Cao Đài nói chung, tuy vậy ở mỗi Hội thánh sẽ có những khác biệt về cách thức thực hành và kinh kệ. Lễ cúng tứ thời của Cao Đài CMTTVV bao gồm bốn thời, mỗi thời kéo dài trong phạm vi thời gian hai tiếng: thời Tý (23h00-1h00), thời Ngọ/Mão (5h00-7h00), thời Ngọ (11h00-13h00), thời Dậu (17h00-19h00). Để bắt đầu cúng tứ thời, tín đồ sẽ chỉnh trang đạo phục, dọn dẹp và chuẩn bị lễ vật trên Thiên bàn. Lễ vật gồm nước trắng, trà, rượu, quả, hoa cùng nhang đèn. Khi rót nước và rượu, rót từ trái qua phải theo hướng Thiên bàn. Cũng đề cập thêm, năm 1932 khi ở am Châu Thành (Cần Thơ), Ngô Văn Chiêu đã dạy cách bày biện trên Thiên bàn như: (1) Bông chưng trên Thiên bàn khi cúng là ba thứ: bông sen, cây trước và dương liễu, có thể thay dương liễu bằng cây khác, cây trước được hiểu là các loài hoa trồng trong vườn<sup>10</sup> (2) Trái cây là năm trái khác nhau, không được dùng sáu hay bảy vì năm thứ quả tượng trưng cho ngũ hành [Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 1962: 69-70].

Khi chuẩn bị lễ vật xong, tín đồ sẽ châm hương và đốt trầm, đốt trầm tại bàn cấp ba, châm hương thường sẽ là năm nén hương. Khi có hương trên tay, tín đồ sẽ bắt đầu lạy (xá), đứng nghiêm trang trước Thiên bàn, lạy giữa một cái tượng trưng Phật, lạy trái một cái tượng trưng cho Pháp, lạy bên phải một cái tượng trưng cho Tăng, sau đó quỳ, tay cầm năm nén hương niệm “Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”. Năm nén hương sẽ được cắm thành hai hàng song song<sup>11</sup>: phía trong ba cây hương, cắm cây ở giữa trước, kế đó cắm cây ở phía bình hoa, rồi ở phía đĩa trái cây (nhìn từ ngoài vào trong); phía ngoài cắm cây hương ngang nhau, cũng cắm cây hương phía bình hoa trước và sau cắm phía đĩa trái cây. Bên cạnh đó, theo quan sát của chúng tôi, tại lư hương cấp thứ hai nơi Thiên bàn, thường sử dụng hương vòng do đặc tính lâu tàn của hương, cũng ngụ ý hương toả ngày đêm. Khi cắm xong hương, tín đồ quay trở lại nơi hành lễ, quỳ và lạy; trong lúc lạy phải làm đủ 12 gập sát đất song song là niệm Nam mô Cao Đài Tiên Ông. Quỳ và lạy xong tín đồ sẽ tụng kinh theo quy định của từng thời, chẳng hạn: thời Tý sẽ đọc bài Hồng thệ, Hồng nguyện, Cửu Thiên, Nhụy Châu, Đại La, Ngọc Hoàng cứu khổ (bảy biến), Quan Âm cứu khổ (ba biến) xen kẽ là các động tác quỳ và lạy. Sang thời Mão đọc bài kinh Đại La, kinh Cảm ứng; thời Ngọ đọc các bài kinh giống thời Tý, trừ bài Hồng thệ. Thời Dậu chỉ đọc bài kinh Đại La. Lễ vật trong một số thời cũng có sự khác nhau: thời Mẹo chỉ cúng trà và nước trắng, thời Ngọ cúng thêm rượu, thời Dậu cúng trà và nước trắng, có thêm gạo và muối, vàng mã “*thời Dậu có thêm cúng gạo muối, tiền bạc giấy cho thiên binh thiên tướng, nhưng mà nếu cúng được chín năm rồi thì nguyện không cúng nữa*” (Pvs, Nữ, 71 tuổi, Tín đồ, Thánh Đức Tổ đình Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, Cần Thơ, 2023), thời Tý cúng thêm rượu; hương, hoa và quả là những thứ cố định đã trình bày ở trên.

Cúng tứ thời được tín đồ Cao Đài CMTTVV tuân thủ tương đối chặt chẽ, không bỏ thời cúng nào vì họ xem việc thực hành nghiêm chỉnh quy định đạo sẽ là bước quan trọng trên con đường tu học của họ “*Vô vi phải tứ thời không bỏ thời nào, tại vì đây là một cái đàn, tổ đình rồi, phải cúng tứ thời không bỏ thời nào*” (Pvs, Nữ, 57 tuổi, Thư ký, Thánh Đức Tổ đình Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, Cần Thơ, 2023).

### 2.3. Về tang lễ

Tang lễ của Pháp môn Cao Đài CMTTVV có khác với các Hội thánh ở nhánh “phổ độ”. Tang lễ diễn ra yên tĩnh, không kèn, không trống, không nhạc, không nhận tiền phúng viếng. Người tu Cao Đài CMTTVV sau khi liễu đạo sẽ được đặt vào cái vồng chữ thập trong tư thế ngồi, khi đưa vào quan, họ sẽ túm bốn góc chữ thập để nhấc đưa vào. Quan của Cao Đài CMTTVV tương đối đặc biệt, đó là hình lục giác cao khoảng 1,2m, thường làm bằng gỗ. Sau khi quan xong sẽ được chôn dưới tháp ba tầng, tầng dưới có tám góc tượng trưng bát quái ôm lấy quan. Để phân biệt phần mộ của tín đồ nam và tín đồ nữ, trên tháp thường có dấu hiệu nhận biết, mộ nam có hình bầu hồ lô (dương) trên tháp, còn nữ có hình hoa sen (âm) trên tháp. Người tu CMTTVV khi liễu đạo mà chứng đắc sẽ có ấn chứng, tức là sau khi mất khoảng 15 phút mắt trái vẫn mở to, mắt phải nhắm - đó là ấn chứng<sup>12</sup>. Sau khi táng xong, chờ sau 100 ngày, gia đình, bạn đạo của người liễu dâng sớ xin thiên danh của người mất và không tổ chức cúng cửu như các Hội thánh Cao Đài khác “*Liễu thì không làm đám, không thu tiền, táng đó, đọc bài chón bông lai đó. Liễu xong, tắm liệm cho vào lục giác rồi vào tháp, không có kèn, trống, không có cửu gì, chết rồi không có cúng*” (Pvs, Nữ, 57 tuổi, Thư ký, Thánh Đức Tổ đình Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, Cần Thơ, 2023). Nơi tổ chức lễ tang thường tại Tổ đình hoặc nhà đàn, tuy nhiên, với những tín đồ phụng sự việc đạo tại Pháp môn thường tổ chức tang lễ tại Tổ đình.



Mộ phần trong nghĩa địa của Pháp môn Cao Đài CMTTVV, trên tháp mộ của tín đồ nam có tạo hình bầu hồ lô (trái), còn tháp mộ tín đồ nữ có tạo hình hoa sen (phải).

(Kim Thanh Sản chỉnh sửa, 2023)

Ngoài ba khía cạnh kể trên, trong sinh hoạt đạo hàng ngày của tín đồ Cao Đài CMTTVV cũng còn một số đặc trưng riêng. Đạo phục đơn giản về màu sắc và thiết kế, không phân biệt chức vụ, thường có hai loại đạo phục là thường phục và đại phục. Thường phục là áo tràng trắng, quần trắng còn đại phục có thêm áo dài trắng dùng cho các lễ lớn trong đạo, nhưng đều là màu trắng. Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Ánh Nga, khi tu tịnh luyện, tín đồ Cao Đài CMTTVV còn có tấm khăn tràng vuông màu trắng, khoét lỗ tròn ở giữa để trùm qua đầu [Nguyễn Thị Ánh Nga, 2015]. Khăn đội của tín đồ Cao Đài CMTTVV có hai màu, màu đen và màu trắng. Khăn đen là khăn được sử dụng ngay từ đầu trong thời kỳ Đạo khai, còn khăn trắng được sử dụng sau khi Ngô Văn Chiêu mất. Ngày nay, hai loại khăn đội đầu (đen, trắng) đều được chấp nhận tại Pháp môn Cao Đài CMTTVV. Tuy vậy, ở Tổ đình chỉ sử dụng khăn trắng. Về cách ăn uống, bất kể nghèo hèn, sang giàu đều ăn thanh đạm, đơn giản, trường chay. Tín đồ không được phép đi truyền đạo, rủ rê, mời chào người khác, thay vào đó là cố gắng hành đạo cho đúng giới, từ đó mà cảm hoá nhân tâm người khác. Về kế sinh nhai, phải tự nuôi bản thân, không nhờ sự trợ giúp của người khác, vậy nên, nếu tới Tổ đình Cao Đài CMTTVV sẽ không thấy hòm công đức và không nhận tiền từ bên ngoài. Cách thức ngủ nghỉ của tín đồ Cao Đài CMTTVV ở trên ghế bố. Đây là loại ghế làm bằng gỗ, nửa nằm, nửa ngồi có thể gấp lại mang tính di động. Bên cạnh đó, một ngày tín đồ Cao Đài CMTTVV phải tắm hai lần sáng và chiều tối sau mỗi thời công phu. Nhìn chung, trong cách sinh hoạt hàng ngày, tín đồ Cao Đài CMTTVV phải giữ thái độ trầm mặc, ít quan tâm thế sự, chỉ lo chuyện tu của mình; đây chính là tinh thần “tu thân” của “vô vi” mà Ngô Văn Chiêu đã lãnh hội.

#### **2.4. Về tổ chức cộng đồng**

Buổi ban đầu, Cao Đài CMTTVV chủ trương không thành lập cơ quan quản lý hành chính toàn đạo, tức không có Giáo hội, không lập toà, lập thất, chùa chiền hay đạo viện. Các đàn tự chủ, tự quản “tất cả tín đồ nhất thể đều là người còn đương học Đạo, không phân giai cấp” [Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 1962: 125] với ý nghĩa không tạo nên cấp bậc trong đạo, mọi tín đồ đều bình đẳng, tư tưởng này thể hiện rõ tinh thần “vô vi”. Tuy vậy, sau quãng thời gian hoạt động độc lập, nhằm mục đích gìn giữ tâm pháp của ngài Ngô Văn Chiêu và thống nhất cách thức tu tập, các nhà đàn đã quyết định hình thành Pháp môn

chung. Ngày 25 và 26/4/2010, Pháp môn tổ chức Đại hội Đại biểu toàn phái Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi để thống nhất các đàn. Tại Đại hội lần thứ nhất đã bầu ra Ban Hành lễ Trung ương với 18 vị và Hội đồng Điều hành Pháp môn cũng gồm 18 vị. Tại Đại hội cũng thống nhất quy chế và chương trình hoạt động của Pháp môn. Trên tinh thần đoàn kết, tôn trọng và cùng nhau gìn giữ phát triển Đạo, cứ năm năm Pháp môn tổ chức một kỳ Đại hội. Cơ cấu tổ chức cụ thể của Pháp môn được chia làm hai cấp Trung ương và cơ sở.

*Cấp Trung ương* của Pháp môn gồm hai cơ quan: (1) Ban Hành lễ có nhiệm vụ chăm lo đời sống đạo, gìn giữ chân truyền của Ngô Văn Chiêu, trong đó có một Trưởng ban, ba Phó ban, ba Thư ký và các thành viên khác. (2) Hội đồng Điều hành Pháp môn có nhiệm vụ xử lý các công việc hành chính của Pháp môn như khen thưởng, kỷ luật, tổ chức các hoạt động đạo sự; trong đó có một Hội trưởng, ba Phó Hội trưởng, một Thư ký và các thành viên.

*Cấp cơ sở* là các nhà đàn, theo quy định một cơ sở được coi là nhà đàn khi đủ 50 tín đồ trở lên. Tại nhà đàn có các chức vụ như Chủ đàn, người truyền giáo và đồng tử.

### **Kết luận**

Nhìn chung, tuy chịu ảnh hưởng của tư tưởng tam giáo (Phật, Đạo, Nho) nhưng yếu tố Đạo giáo với nền tảng “vô vi” vẫn nổi trội hơn cả trong hệ thống giáo lý, giáo luật và thực hành tu tập của Pháp môn Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi. Quá trình tiếp nhận tư tưởng “vô vi” của Đạo giáo là một hành trình khá dài từ khi Ngô Văn Chiêu còn nhỏ đến khi được thọ pháp từ Đức Cao Đài Tiên Ông. Biểu hiện của tư tưởng “vô vi” trong Pháp môn Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi nổi trội ở các khía cạnh như: về thờ tự là yếu tố Tam Thanh trong Thập tự Tam Thanh; về tu tập thấm nhuần tinh thần tu thân “vô vi” của Lão Tử như diệt dục, an nhàn tĩnh tại, hướng vào nội tâm bằng con đường tu tịnh; về tổ chức, không thành lập Giáo hội, mọi tín đồ đều bình đẳng... Trong các thi đàn được Ngô Văn Chiêu ghi lại trong *Đại thừa chọn giáo* đều nhấn mạnh “Đạo là vô vi”. Bài viết đã chỉ ra một số biểu hiện của tư tưởng “vô vi” như trên, nhưng theo chúng tôi đó chỉ là phần hữu hình, còn phần vô hình trong “vô vi” vô cùng sâu sắc mà có lẽ những tín đồ tu tập theo Pháp môn này mới thực sự cảm nhận được./.

- 1 Ngô Văn Chiêu là tên gọi của ông từ khi sinh ra. Tên gọi Ngô Minh Chiêu, theo cuốn *Cuộc đời đạo đức ngài Ngô Văn Chiêu* thì “Minh Chiêu” được xác lập vào khoảng năm 1932. Do đó trong bài viết chúng tôi có sử dụng song song hai cách gọi là Ngô Văn Chiêu và Ngô Minh Chiêu.
- 2 Xem thêm: *Đạo đức kinh* các chương 12, 18, 20, 22, 33, 67 v.v.
- 3 Ngũ chi Minh đạo là năm ngành đạo có gốc từ Minh Sư gồm: Minh Sư, Minh Lý, Minh Đường, Minh Thiện, Minh Tân. Minh Sư có gốc từ môn phái Phật đường thuộc Phật giáo Thiên tông Trung Quốc. Môn phái Phật đường tu theo tam giáo: thờ Phật, tu Tiên và sinh hoạt theo Nho giáo. Tuy vậy, sau khi nhà Minh bị lật đổ, Minh Sư bộc lộ tư tưởng “phục Minh, bài Thanh”, họ bị nhà Thanh đàn áp mà một bộ phận đã lưu tán xuống phía Nam, trong đó có Việt Nam. Minh Sư du nhập và bén rễ ở Việt Nam từ thế kỷ XVIII-XIX, dần dần tạo ảnh hưởng và là nền tảng cho sự hình thành các chi đạo trong nhóm Ngũ chi Minh Đạo tại Nam Bộ. Bên cạnh đó, việc thực hiện và duy trì việc cầu cơ bằng *Ngọc cơ* của các ngành đạo trong Ngũ chi Minh đạo đã góp phần hình thành phong trào *cầu cơ thỉnh Tiên* sôi nổi tại Nam Bộ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.
- 4 Khi đó là tổng Thuận Trị, tỉnh Mỹ Tho. Nay thuộc tỉnh Tiền Giang.
- 5 Tức chông của cô ruột Ngài Ngô Văn Chiêu.
- 6 Nay thuộc tỉnh Bình Dương.

#### **CHÚ THÍCH:**

- 7 Phò loan hay phò cơ là chi người ngồi hầu bên Ngọc cơ mà nhận tiếp điện từ các Đấng Thiêng liêng. Nhóm phò loan ban đầu có các ông Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, về sau có thêm một số nhân vật khác như Nguyễn Trung Hậu, Lê Văn Trung, Lý Trọng Quý...
- 8 Ngô Văn Chiêu nhìn thấy biểu tượng Con Mắt (Thiên Nhãn) ba lần tại Phú Quốc, lần đầu tiên vào khoảng tháng 3 năm 1921, cách vài ngày sau đó ông tiếp tục nhìn thấy Con Mắt. Sau hai lần, Ngô Văn Chiêu lập ban thờ Thiên Nhãn dưới sự chỉ dạy của Cao Đài Tiên Ông. Lần thứ ba ông nhìn thấy Thiên Nhãn vào năm 1924, khi đó ông thấy một Thiên Nhãn sô ngay xuống một hàng có Nhật, Nguyệt, Tinh chói rạng rực rỡ.
- 9 Trong *Đài thừa chơn giáo*, “thanh” được giải nghĩa là dương, “trọc” được giải nghĩa là âm.
- 10 Khi Ngô Văn Chiêu ở tại am (Cần Thơ), ông quy định trước Đàn hay Chùa của Chiếu Minh Tam Thanh cần làm tám cái bồn trồng bông với tám thứ bông khác nhau. Cây trước trong lời của Ngô Văn Chiêu chắc có lẽ là các loài hoa từ tám bồn đó.
- 11 Một số Hội thánh khác cắm năm nén hương so le.
- 12 Xem thêm: <http://caodaigiaoly.free.fr/AnChungVaHuyenDieu.html>, truy cập ngày 30/6/2024.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đào Duy Anh (2005), *Hán Việt từ điển*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
2. Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi (1962), *Lịch sử quan phủ Ngô Văn Chiêu (1878-1932)*, Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi ấn tống.
3. Cao Đài Đại Đạo phái Chiếu Minh (2016), *Đại thừa chơn giáo*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
4. Nguyễn Duy Hinh (2003), *Người Việt Nam với Đạo giáo*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

5. Nguyễn Thị Hồng (2005), “Về học thuyết vô vi của Lão Tử”, Tạp chí *Nghiên cứu Triết học*, số 3, tr. 37-41.
6. Huệ Khải (2023), *Lược sử đạo Cao Đài thời tiền ấn 1920-1926*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
7. Đỗ Văn Lý (1989), *Tìm hiểu đạo Cao Đài*, quyển I, Perris Canifonia 92370, USA.
8. Đức Nguyên (2003), *Cao Đài từ điển*, quyển I, Tòa thánh Tây Ninh.
9. Đức Nguyên (2003), *Cao Đài từ điển*, quyển II, Tòa thánh Tây Ninh.
10. Đức Nguyên (2003), *Cao Đài từ điển*, quyển III, Tòa thánh Tây Ninh.
11. Nguyễn Thị Ánh Nga (2015), *Cao Đài Đại Đạo Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi - quá trình hình thành, phát triển và nếp sống đạo*, Luận án Tiên sĩ Tôn giáo học, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
12. Đồng Tân (1974), *Tìm hiểu đạo Cao Đài*, Cao Hiên, Sài Gòn.
13. Lão Tử (Nguyễn Tôn Nhan dịch, 1999), *Đạo đức kinh*, Nxb Văn học, Hà Nội.
14. Tấn Tài - Phước Đức (2006), *Từ điển thuật ngữ Đạo giáo*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
15. Thánh đức Tô đình - Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi (2021), *Cuộc đời đạo đức của ngài Ngô Văn Chiêu*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
16. Nguyễn Như Ý (cb, 1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.

### Abstract

#### THE FOUNDATION OF “WU WEI” AND ITS MANIFESTATIONS IN THE RELIGIOUS ACTIVITIES OF CAODAISM “CHIẾU MINH TAM THANH VÔ VI”

**Kim Thanh San**

**Pham Quang Tung, Pham Minh Phuong**

*Institute for Religious Studies, VASS*

On March 14, the year of Binh Dan (April 24, 1926), after more than two months of unifying the sects of Caodaism, Ngo Van Chieu resigned and established his sect. The above event marked the formation of two branches of Cao Dai such as the Vo Vi branch and the Pho Do branch. The Cao Dai Chieu Minh Tam Thanh Vo sect was formed on the foundation of the “wu wei” ideology with distinct manifestations compared to other Caodaism sects in the aspects of worship, practices, and organization. In this article, from the approach of Religious Studies combined with the in-depth interview method, the article will clarify two contents: (1) The foundation of “wu wei” in Caodaism and (2) The manifestations of “wu wei” in some religious activities of the Cao Dai Chieu Minh Tam Thanh Vo Vi sect.

**Keywords:** Caodaism, Cao Dai Chieu Minh Tam Thanh Vo Vi sect, Wu Wei foundation, religious activities.